

Bản án số: **18/ 2020/HS-ST**
Ngày: 23 - 4 - 2020

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thông**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Xoa**

Ông Nguyễn Văn Sanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Võ Thị Tới** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thảo Nguyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 19/2020/HSST ngày 09 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn L, Giới tính: Nam; sinh ngày 29.6.1994 tại TP. Đà Nẵng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 59, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Phạm Văn M (sinh năm 1972) và bà Thái Thị D (sinh năm 1973); Gia đình có 04 người con, bị cáo là con thứ nhất;

Tiền án:

- Ngày 22.12.2015, bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại các điểm b, e khoản 2 Điều 138 BLS năm 1999 tại Bản án số 57/2015/HSST ngày 22.12.2015. (chưa được xóa án tích)

Tiền sư: Chưa;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Xuân L1. Giới tính: Nam; sinh ngày 05.11.1997 tại TP. Đà Nẵng; Nơi ĐHKHTT và chỗ ở: Tổ 54, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động

phổ thông; Con ông Trần Xuân P (sinh năm 1970) và bà Phan Thị C (sinh năm 1972); Gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ hai;

Tiền án:

- Ngày 20.4.2016, bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” tại Bản án số 78/2016/HSPT ngày 20.4.2016 (chưa được xóa án tích)

Tiền sự: Chưa;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 30.7.2019 tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

- Ông Phạm Văn V, sinh năm: 1960 và bà Trần Thị Kim Th, sinh năm: 1963. Cùng trú tại: Số 265 đường V, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm: 1990. Trú tại: Số 10 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt không lý do)

- Ông Huỳnh Tấn Đ, sinh năm: 1993. Trú tại: Số 18 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt không lý do)

- Bà Phạm Thị B, sinh năm: 1950. Trú tại: Số 06 đường T, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt không lý do)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Xuân P, sinh năm: 1970. Trú tại: Tổ 54, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Có mặt tại phiên tòa)

- Bà Thái Thị D, sinh năm: 1973. Trú tại: Tổ 59, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Có mặt tại phiên tòa)

- Ông Phạm Văn P. Sinh năm: 1998. Trú tại: Tổ 69, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt không lý do)

- Bà Công Huyền Tôn Nữ Ý M, sinh năm: 1979. Trú tại: Số 311 đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt không lý do)

** Người làm chứng:*

- Bà Tống Thị T, sinh năm 1968; Trú tại: Số 237 đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 08.6.2019, tại nhà số 06 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng do bà Phạm Thị B làm chủ, Phạm Văn L phá cửa sổ tầng một vào

lấy trộm tài sản gồm 09 tờ tiền nước ngoài, trong đó gồm: 03 tờ tiền Hàn Quốc (mỗi tờ mệnh giá 1000 Won), 04 tờ tiền Trung Quốc (02 tờ mệnh giá 10 Nhân dân tệ, 02 tờ mệnh giá 05 Nhân dân tệ); 02 tờ tiền Campuchia (01 tờ mệnh giá 500 Riêl và 01 tờ mệnh giá 100 Riêl) thì bị bà Tống Thị T phát hiện nên tri hô quần chúng nhân dân bắt giữ L đồng thời báo Công an phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ của Phạm Văn L:

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung A5, màu nâu, số Imel 358548106/632347/4; imel: 358491/06/632347/21.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, màu vàng 16Gb số Imel: 013984004818688.

+ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy 10 màu trắng.

+ Số tiền 107.000 đồng.

+ 03 tờ tiền Hàn Quốc (mỗi tờ mệnh giá 1000 Won), 04 tờ tiền Trung Quốc (02 tờ mệnh giá 10 Nhân dân tệ, 02 tờ mệnh giá 05 Nhân dân tệ); 02 tờ tiền Campuchia (01 tờ mệnh giá 500 Riêl và 01 tờ mệnh giá 100 Riêl).

+ 01 cái kéo, 01 mỏ lết, 01 bình xịt hơi cay, 01 mũi đục bằng sắt, 01 đôi găng tay bằng len, 01 khẩu trang, 01 khăn trùm đầu, 02 cái kim; 01 áo jean, 01 túi xách bằng da màu nâu.

Theo Kết luận định giá tài sản số ngày 09.10.2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Thanh Khê xác định: 3000 KRW (tiền Hàn Quốc) trị giá 58.590 đồng, 30 CNY (tiền Trung Quốc) trị giá 100.104 đồng, 600 KHR (tiền Campuchia) trị giá 3.432 đồng. Tổng trị giá ngoại tệ nói trên là 162.126 đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Đồng thời, Phạm Văn L còn khai nhận vào các ngày 25.5.2019 và 08.6.2019, L cùng Trần Xuân L1 trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17h00 ngày 25.5.2019, L điện thoại rủ L1 đi trộm cắp tài sản thì L1 đồng ý. L mang theo túi da màu nâu bên trong có các công cụ gồm: 01 đôi găng tay bằng len, 01 kim bấm, 01 mỏ lết và 01 cây đục bằng sắt rồi điều khiển xe mô tô hiệu SH màu trắng biển kiểm soát 43C1 – 410.67 đến khu chung cư F, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng gặp L1. L1 chở L đi trên các tuyến đường tìm nhà dân sơ hở để đột nhập vào trộm cắp tài sản. Đến khoảng 20h00 cùng ngày, L phát hiện nhà ông Phạm Văn V và bà Trần chị Kim Th tại địa chỉ 265 V, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng khóa cửa ngoài nên L nói với L1 dừng xe lại. L dặn L1 ở ngoài chờ nếu có ai về thì gọi điện thoại báo cho L biết, lúc nào lấy được tài sản sẽ gọi L1 quay lại đón. Sau

đó, L đi bộ theo đường thoát hiểm phía sau nhà ông V, bà Th rồi mang găng tay, dùng kim cắt song sắt cửa thoát hiểm đột nhập vào trong nhà. L tiếp tục lên tầng 02 vào phòng ngủ của ông V, bà Th mở tủ đựng quần áo trộm cắp hai cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng; 01 vòng đeo tay bằng vàng 98 và 07 nhẫn vàng 98 (06 nhẫn vàng loại 02 chỉ, 01 nhẫn vàng loại 1 chỉ). Sau khi lấy được tài sản, L giấu tài sản trộm cắp được trong người và thoát ra rồi gọi cho L1 chờ L về phòng trọ của L tại số 50 Hòa An 2, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Tại đây, L nói dối với L1 chỉ lấy được 17.000.000 đồng rồi đưa cho L1 số tiền 5.500.000 đồng. Khi L1 đi về, L đếm số tiền còn lại được 99.500.000 đồng. Số vàng trộm cắp được, L đem bán tại tiệm vàng H, địa chỉ: Số 311 đường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng được khoảng 50.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trộm cắp và tiền bán vàng L tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 26.7.2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Thanh Khê kết luận: 06 nhẫn vàng loại vàng 98 trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ trị giá 43.440.000 đồng, 01 nhẫn vàng trọng lượng 01 chỉ loại vàng 98 giá trị 3.620.000 đồng, 01 vòng đeo tay bằng vàng loại vàng 98 trọng lượng 02 chỉ trị giá 7.240.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản nêu trên là 54.300.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản L và L1 đã chiếm đoạt được trong vụ trộm cắp tài sản nêu trên là: 159.300.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Tối ngày 08.6.2019, L gọi điện thoại rủ L1 đi trộm cắp tài sản thì L1 đồng ý. L mang 01 túi xách da màu nâu bên trong có chứa 02 kim bấm, 01 mũi đục, 01 cái kéo, 01 mỏ lết, 01 bình xịt hơi cay, 01 đôi găng tay bằng len, 01 khẩu trang, 01 khăn trùm đầu đi đến gần trường Thái Phiên, đường Trần Cao Vân, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mượn của nam thanh niên tên Sỹ (chưa rõ lai lịch) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh dương (không rõ biển số). L đến khu chung cư F, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng gặp L1. L1 chờ L tìm nhà dân sơ hở để đột nhập vào trộm cắp tài sản. Khi đến đường T2, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng thì L1 ở ngoài cảnh giới còn L trực tiếp đột nhập vào nhà dân trộm cắp tài sản. Trong khoảng thời gian từ 19h30 đến 21h00, L cùng L1 liên tục thực hiện các vụ trộm cắp cụ thể như sau:

- Khoảng 19h30, khi đến trước nhà anh Nguyễn Văn L2 tại số 10 đường T, L phá cửa tầng hai vào phòng ngủ lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung A5 và số tiền 1.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn L2.

Theo kết luận định giá tài sản số: 85 ngày 20/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Hải Châu kết luận: 01 ĐTDĐ Sam sung A5 đã qua sử dụng có giá trị: 1.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là **2.000.000 đồng**.

- Ngay sau đó, L tiếp tục đi theo đường lượn phía sau đến nhà anh Huỳnh Tấn Đ tại số 18 đường T trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu vàng của anh Huỳnh Tấn Đ.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 85 ngày 20/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Hải Châu kết luận: 01 ĐTDĐ Iphone 5S màu vàng đã qua sử dụng có giá trị: **1.200.000 đồng**.

- Tiếp đó, L tiếp tục vào nhà bà Phạm Thị B tại số 06 đường T2 lấy trộm tài sản của bà Phạm Thị B thì bị phát hiện, do hoảng sợ, L mở cửa phòng ngủ tầng 2, bước ra ban công rồi nhảy xuống đất khiến hai chân bị thương không thể tẩu thoát nên bị người dân giữ lại báo cho Công an phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng lập biên bản phạm tội quả tang như đã nêu trên. Trần Xuân L1 thấy L bị người dân vây bắt nên đã bỏ chạy. Đến ngày 30.7.2019, L1 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bắt giữ.

Như vậy, L và L1 cùng nhau thực hiện liên tiếp 03 lần trộm cắp tài sản trong một đêm với tổng tài sản bị chiếm đoạt là **3.362.126 đồng**.

* Ngoài ra, L và L1 khai nhận còn cùng nhau đi trộm cắp tài sản tại khu vực đường Phan Bội, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng vào ngày 05/6/2019, tuy nhiên chưa thực hiện được hành vi trộm cắp tài sản. Mặc dù chưa trộm cắp được tài sản gì nhưng lúc này trong người L vẫn còn 17.000.000 đồng trộm cắp được tại nhà số 265 Vũ Quỳnh, TP. Đà Nẵng vào ngày 25/5/2019, L thấy L1 không có tiền tiêu xài nên nói dối L1 là trộm cắp được 15.000.000 đồng. Sau đó, L chia cho L1 7.000.000 đồng, số tiền có được L1 tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng tạm giữ và xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A5, màu nâu, Imei: 358548106/6323347/2; Imei: 358491/06/632347/2 và số tiền 1.000.000 đồng đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn L2.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, 16GB, màu vàng, số Imei: 013984004818688 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Huỳnh Tấn Đ.

- 09 tờ tiền nước ngoài gồm: 03 tờ tiền Hàn Quốc, mỗi tờ mệnh giá 1000 KRW, 04 tờ tiền Trung Quốc (02 tờ mệnh giá 10 CNY và 02 tờ mệnh giá 5CNY); 02 tờ tiền Campuchia (01 tờ mệnh giá 500 KHR và 01 tờ mệnh giá 100 KHR) đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Phạm Thị B.

- 01 túi xách da màu nâu, 02 kim bấm, 01 mũi đục, 01 cái kéo, 01 mỏ lết, 01 bình xịt hơi cay, 01 cặp bao tay len, 01 khẩu trang, 01 khăn trùm đầu, 01 áo khoác jean; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy S10 plus màu trắng và số tiền 107.000 đồng (hiện đã chuyển Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải Châu).

- 01 đĩa DVD chứa dữ liệu camera liên quan đến hành vi trộm cắp của Phạm Văn L. (kèm theo hồ sơ vụ án)

Về dân sự:

- Người bị hại là Ông Phạm Văn V và bà Trần Thị Kim Th yêu cầu bồi thường số tiền 159.300.000 đồng. Hiện nay, mẹ của Phạm Văn L là bà Thái Thị D đã bồi thường cho ông V, bà Th số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), bố của Trần Xuân L1 là ông Trần Xuân Pháp đã bồi thường cho ông V, bà Th số tiền 13.000.000 đồng.

- Người bị hại Nguyễn Văn L2, Huỳnh Tấn Đ, Phạm Thị B đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố: bị cáo Phạm Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Xuân L1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo kết luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như Cáo trạng đã đề cập đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ **02 (hai) năm** đến **03 (ba) năm** tù.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Xuân L1 từ **02 (hai) năm** đến **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với những người bị hại gồm: Nguyễn Văn L, Huỳnh Tấn Đ, Phạm Thị B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập xử lý.

+ Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại Phạm Văn V, Trần Thị Kim Th số tiền là 159.300.000 đồng: Quá trình điều tra, gia đình các bị cáo đã bồi thường số tiền 43.000.000 đồng. Trong đó, gia đình bị cáo Phạm Văn L đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng; gia đình bị cáo Trần Xuân L1 đã bồi thường 13.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu bồi thường của người bị hại buộc các bị cáo tiếp tục liên đới bồi thường số tiền còn lại là 116.300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Đối với 01 túi xách da màu nâu, 02 kim bấm, 01 mũi đục, 01 cái kéo, 01 mỏ lết, 01 bình xịt hơi cay, 01 cặp bao tay len, 01 khẩu trang, 01 khăn trùm đầu, 01 áo khoác jean: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với số tiền 107.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Văn L: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo.

+ Đối với 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy S10 plus màu trắng thu giữ của Phạm Văn L: đề nghị tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

+ Đối với 01 đĩa DVD chứa dữ liệu camera liên quan đến hành vi trộm cắp của Phạm Văn L: đề nghị lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

+ Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển kiểm soát 43C1-41.067 L và L1 sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản vào ngày 25.5.2019: Chiếc xe này do anh Phạm Văn P (em ruột của L) đứng tên chủ sở hữu. Trước đó, P cho L mượn xe để làm phương tiện đi lại hàng ngày và không biết việc L sử dụng xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý P là có cơ sở nên không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng tên “Sỹ” có hành vi cho Phạm Văn L mượn xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh dương (không rõ biển kiểm soát), qua điều tra chưa xác minh được nhân thân, lai lịch cụ thể nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với bà Công Huyền Tôn Nữ Ý M – chủ tiệm vàng H tại địa chỉ: Số 311 T, quận H, thành phố Đà Nẵng, hiện nay không xác định được là có mua vàng của Phạm Văn L hay không, nên không có cơ sở xử lý.

Các bị cáo Phạm Văn L và Trần Xuân L1 khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung, tội danh mà Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng, không có ý kiến hay khiếu nại gì về tội danh cũng như thủ tục tố tụng chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại – Ông Phạm Văn V và bà Trần Thị Kim Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tại hồ sơ và Đơn xin vắng mặt cũng đã thể hiện rõ: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và mong muốn được nhận lại toàn bộ tài sản đã mất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Thái Thị D và ông Trần Xuân P xác nhận, sau khi các bị cáo tác động gia đình các bị cáo đã bồi thường cho ông V, bà Th số tiền 43.000.000 đồng. Trong đó, Bà Dung (mẹ bị cáo L) bồi thường 30.000.000 đồng; ông Pháp (cha bị cáo L1) bồi thường 13.000.000 đồng. Ngoài ra, ông P và bà D không yêu cầu gì thêm.

Những người bị hại khác là anh Nguyễn Văn L2, anh Huỳnh Tấn Đ và bà Phạm Thị B; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn P và bà Công Huyền Tôn Nữ Ý M vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nhưng tại hồ sơ cũng đã có đầy đủ lời khai, lời khai của họ phù hợp với các tài liệu, chứng cứ cũng như diễn biến tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Trong hai ngày 25.5.2019 và 08.6.2019, trên địa bàn quận Thanh Khê và quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu, Phạm Văn L và Trần Xuân L1 đã cùng nhau sử dụng công cụ, phương tiện là xe mô tô, kìm, đục, mỏ lết... thực hiện liên tục hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, cụ thể: Ngày 25.5.2019 chiếm đoạt của ông Phạm Văn V, Trần Thị Kim Th số tiền 105.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 98 với tổng giá trị là 159.300.000 đồng; Ngày 08.6.2019, chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động Samsung A5 và tiền trị giá 2.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Huỳnh Tấn Đ 01 điện thoại di động Iphone 5S trị giá 1.200.000 đồng; chiếm đoạt của bà Phạm Thị B một số tờ tiền nước ngoài trị giá 162.126 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Phạm Văn L và Trần Xuân L1 chiếm đoạt được là 162.662.162 đồng. Như vậy, hành vi trên đây của các bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong đó, bị cáo Phạm Văn L đã có 01 tiền án: Ngày 22.12.2015, bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b (có tính chất chuyên nghiệp), điểm e (Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng) khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19.10.2017, chưa được xóa án tích. Sau khi bị cáo L chấp hành xong hình phạt tù về lại địa phương đến thời điểm phạm tội, bị cáo chưa có vợ, con; cha mẹ bị cáo cũng là những người làm công việc phổ thông, gia đình đông con, bản thân bị cáo không có công việc làm, không có thu nhập ổn định nên lấy những lần phạm tội làm nghề nghiệp sinh sống, lấy kết quả của việc phạm tội để tiêu xài cá nhân, phục vụ cuộc sống của bản thân bị cáo. Bị cáo liên tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chỉ trong một thời gian ngắn với tổng giá trị là 162.662.162 đồng. Do vậy, hành vi phạm tội mới này của bị cáo thuộc trường hợp có hai tình tiết định khung “*Có tính chất chuyên nghiệp*” và “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Trần Xuân L1, cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo L. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp được là 162.662.162 đồng. Do vậy, hành vi phạm tội

của bị cáo Trần Xuân L1 thuộc trường hợp định khung “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000” đồng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy:

Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe hoàn toàn bình thường nhưng không chịu lao động, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bản thân các bị cáo đều đã có tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn liều lĩnh bất chấp pháp luật, lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản hàng trăm triệu đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh trật tự tại địa phương và gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do tính chất nghiêm trọng của vụ án, để đấu tranh phòng ngừa tội phạm, trong đó có tội xâm phạm sở hữu, góp phần bảo vệ tài sản của nhân dân, cần thiết xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự một cách nghiêm khắc.

[3.1] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất, phân công nhiệm vụ trước khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, bị cáo L là người rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo L1 là người giúp sức cho bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này, các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội hai lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Ngày 22.12.2015, bị cáo Phạm Văn L bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Bị cáo Trần Xuân L1 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 78/2016/HSPT ngày 20.4.2016, chưa được xóa án tích. Như vậy, với hành vi phạm tội lần này, cả hai bị cáo đều thuộc trường hợp “tái phạm” phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo đã tích cực tác động gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

Ngoài ra, bị cáo Phạm Văn L bị vỡ cả hai xương gót chân, sau khi điều trị vết thương đã hồi phục nhưng để lại di chứng vĩnh viễn, làm giảm sút sức khỏe và khả năng lao động sau này. Hiện tại, bị cáo L vẫn phải tiếp tục theo dõi, điều trị lâu dài để mô tháo vít hai chân đi lại khó khăn, phải có người dìu đỡ. Do đó, căn cứ vào nguyên tắc khoan hồng và thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng trong vụ án:

- Đối với yêu cầu bồi thường của người bị hại - Ông Phạm Văn V và bà Trần Thị Kim Th về số tiền còn lại sau khi gia đình các bị cáo khắc phục một phần hậu quả là 116.300.000 đồng: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của bị hại là phù hợp, các bị cáo cũng xác định số tiền bị hại bồi thường là đúng và đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền này nên căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo tiếp tục liên đới bồi thường số tiền này cho người bị hại. Phân trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo như sau:

Bị cáo Phạm Văn L phải chịu trách nhiệm bồi thường 1/2 số tiền 159.300.000 đồng, tương ứng với số tiền: 79.650.000 đồng. Gia đình bị cáo L đã bồi thường 30.000.000 đồng. Buộc bị cáo L tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là: 49.650.000 đồng.

Bị cáo Trần Xuân L1 phải chịu trách nhiệm bồi thường 1/2 số tiền 159.300.000 đồng, tương ứng với số tiền: 79.650.000 đồng. Gia đình bị cáo Trần Xuân L1 đã bồi thường 13.000.000 đồng. Buộc bị cáo L1 tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là: 66.650.000 đồng.

- Đối với số tiền 43.000.000 đồng bà Thái Thị Dung và ông Trần Xuân Pháp đã thay các bị cáo bồi thường cho bị hại: Tại phiên tòa, bà Dung và ông Pháp không có yêu cầu gì đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung A5, màu nâu, Imei: 358548106/6323347/2; Imei: 358491/06/632347/2 và số tiền 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, 16GB, màu vàng, số Imei: 013984004818688; 09 tờ tiền nước ngoài gồm: 03 tờ tiền Hàn Quốc, mỗi tờ mệnh giá 1000 KRW, 04 tờ tiền Trung Quốc (02 tờ mệnh giá 10 CNY và 02 tờ mệnh giá 5CNY); 02 tờ tiền Campuchia (01 tờ mệnh giá 500 KHR và 01 tờ mệnh giá 100 KHR): Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp lần lượt là anh Nguyễn Văn Lê, anh Huỳnh Tấn Đức và bà Phạm Thị Bốn. Các chủ sở hữu này mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại hồ sơ thể các chủ sở hữu này đã nhận lại tài sản và không thắc mắc khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 túi xách da màu nâu, 02 kim bấm, 01 mũi đục, 01 cái kéo, 01 mỏ lết, 01 bình xịt hơi cay, 01 cặp bao tay len, 01 khẩu trang, 01 khăn trùm đầu và 01 áo khoác jean: Đây là công cụ, phương tiện bị cáo L đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 107.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Văn L: Xét đây là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy S10 plus màu trắng thu giữ của Phạm Văn L: Xét thấy, Đây là phương tiện L sử dụng trực tiếp để liên lạc, rủ rê L1 cùng thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi thực hiện xong hành vi phạm tội, L cũng sử dụng chiếc điện thoại này để gọi L1 đến đón. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 đĩa DVD chứa dữ liệu camera liên quan đến hành vi trộm cắp của Phạm Văn L: cần lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu trắng biển kiểm soát 43C1-41.067 L và L1 sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản vào ngày 25.5.2019: Chiếc xe này do anh Phạm Văn P (em ruột của L) đứng tên chủ sở hữu. Trước đó, P cho L mượn xe để làm phương tiện đi lại hàng ngày và không biết việc L sử dụng xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý Phương là có cơ sở, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng tên “Sỹ” có hành vi cho Phạm Văn L mượn xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh dương (không rõ biển kiểm soát), qua điều tra chưa xác minh được nhân thân, lai lịch cụ thể nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với bà Công Huyền Tôn Nữ Ý M – chủ tiệm vàng Hoa Kim Nguyên tại địa chỉ: Số 311 Trưng Nữ Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hiện nay không xác định được là có mua vàng của Phạm Văn L hay không, nên không có cơ sở xử lý.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo **Phạm Văn L** và **Trần Xuân L1** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Căn cứ vào: điểm b, c Khoản 2 Điều 173; điểm b,s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn L **02 (hai) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Căn cứ vào: điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm b,s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân L1 **02 (hai) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bắt tạm giam, ngày 30.7.2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 468 586, 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự. Tuyên buộc trách nhiệm bồi thường như sau:

Buộc bị cáo Phạm Văn L và Trần Xuân L1 phải liên đới bồi thường cho ông Phạm Văn V và bà Trần Thị Kim Th số tiền: 116.300.000 đồng. Chia phần:

Bị cáo Phạm Văn L bồi thường số tiền: 49.650.000 đồng. (*Bốn mươi chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*)

Bị cáo Trần Xuân L1 bồi thường số tiền: 66.650.000 đồng. (*sáu mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 túi xách da màu nâu, 02 kim bấm, 01 mũi đục, 01 cái kéo, 01 mỏ lết, 01 bình xịt hơi cay, 01 cặp bao tay len, 01 khẩu trang, 01 khăn trùm đầu và 01 áo jean.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10 plus màu trắng của bị cáo Phạm Văn L.

- Trả lại số tiền 107.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Văn L.

(Các vật chứng này hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06.02.2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê và Chi cục THADS quận Hải Châu).

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.482.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trần Xuân L1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.332.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- CQCSĐT CA quận Hải Châu;
- THA dân sự quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Thông